

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Hà Nội, tháng 8 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		503.813.069.047	599.820.182.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.058.768.774	151.872.520.736
1. Tiền	111		23.058.768.774	101.872.520.736
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	13.255.835.600	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.377.064.426	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.121.228.826)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.452.851.565	343.637.309.406
1. Phải thu khách hàng	131		108.410.833.527	123.623.905.335
2. Trả trước cho người bán	132		11.629.777.775	5.342.615.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	229.092.547.967	217.208.131.339
4. Các khoản phải thu khác	135	8	5.750.339.970	7.603.390.237
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.430.647.674)	(10.140.733.338)
IV. Hàng tồn kho	140	9	112.392.844.824	100.730.834.398
1. Hàng tồn kho	141		112.392.844.824	100.730.834.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.652.768.284	3.579.517.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		790.845.051	389.622.486
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.409.052.250	2.449.242.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		340.058.888	340.058.889
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		112.812.095	400.594.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		474.797.495.835	461.980.899.395
I. Tài sản cố định	220		234.699.630.079	224.061.703.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	179.658.574.338	162.844.700.204
- Nguyên giá	222		248.744.677.396	223.401.772.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.086.103.058)	(60.557.072.074)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	7.491.062.118	14.013.803.511
- Nguyên giá	228		10.034.890.368	16.992.295.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.543.828.250)	(2.978.492.327)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	47.549.993.623	47.203.199.378
II. Bất động sản đầu tư	240	13	21.963.552.266	-
- Nguyên giá	241		23.236.755.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.273.202.734)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		129.539.064.281	149.884.595.782
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	5.000.000.000	25.377.064.426
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	6.415.725.137	6.663.096.819
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.864.369.682)	(4.143.274.289)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		88.595.249.209	88.034.600.520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	87.559.430.637	86.998.781.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.035.818.572	1.035.818.572
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		978.610.564.882	1.061.801.081.908

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		433.199.653.702	512.321.750.897
I. Nợ ngắn hạn	310		406.553.997.280	488.588.022.135
1. Vay ngắn hạn	311	18	125.249.418.854	184.809.106.560
2. Phải trả người bán	312		186.858.137.839	219.202.766.577
3. Người mua trả tiền trước	313		4.372.812.939	2.602.880.313
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.836.215.071	12.903.668.004
5. Phải trả người lao động	315		12.903.062.328	16.627.792.944
6. Chi phí phải trả	316		30.388.587.182	4.084.601.546
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	40.550.292.285	46.754.861.818
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.395.470.782	1.602.344.373
II. Nợ dài hạn	330		26.645.656.422	23.733.728.762
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	26.255.976.078	23.205.600.405
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		389.680.344	528.128.357
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		545.410.911.180	549.479.331.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	545.410.911.180	549.479.331.011
1. Vốn điều lệ	411		344.466.990.000	264.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.180.770.000	129.164.270.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		105.650.833.010	99.502.636.970
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.257.000.000	10.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.905.018.170	45.606.894.041
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		978.610.564.882	1.061.801.081.908

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2011	31/12/2010
Hàng hóa nhận ký gửi	11.959.608.000	-

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.280.417.181.373	1.121.166.164.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		293.154.700	268.593.102
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	1.280.124.026.673	1.120.897.571.564
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.186.484.183.727	1.034.917.690.308
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		93.639.842.946	85.979.881.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	29.679.215.437	19.772.354.748
7. Chi phí tài chính	22	26	46.713.405.951	9.109.459.821
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.859.980.895	5.353.466.180
8. Chi phí bán hàng	24		57.949.522.584	63.922.443.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.413.286.189	7.726.846.113
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.242.843.659	24.993.486.262
11. Thu nhập khác	31	27	5.072.145.660	3.630.558.500
12. Chi phí khác	32	28	1.409.971.149	3.054.795.374
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.662.174.511	575.763.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.905.018.170	25.569.249.388
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	941.770.025
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.905.018.170	24.627.479.363

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.905.018.170	25.569.249.388
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.367.569.641	8.600.915.014
Các khoản dự phòng	03	7.413.961.870	543.551.050
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	112.760.096	972.455.292
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(29.679.215.437)	(3.540.096.177)
Chi phí lãi vay	06	5.859.980.895	5.353.466.180
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.924.765)	37.499.540.747
(Tăng) các khoản phải thu	09	(8.322.530.287)	(41.880.586.608)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(11.662.010.426)	(21.290.745.418)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(46.819.975.764)	(8.525.535.468)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(961.871.254)	(8.710.501.714)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.812.400.123)	(5.353.466.180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(336.975.498)	(507.265.386)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.297.747.355	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.916.323.338)	(5.624.302.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(77.554.264.100)	(54.392.862.048)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.988.463.461)	(7.336.407.833)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.286.964.319
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.524.749.901	14.172.540.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.536.286.440	3.123.096.941

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
		đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	503.656.388.513	457.404.582.246
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(563.328.836.315)	(402.742.213.827)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.123.326.500)	(6.435.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(65.795.774.302)	54.655.933.419
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(128.813.751.962)	3.386.168.312
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	151.872.520.736	26.547.503.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.058.768.774	29.933.671.752

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 23.980.585.432 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vò bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vò bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 409 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 493 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày cuối kỳ, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất) và 10 năm đối với máy móc thiết bị.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Đối với phần hao mòn vỏ bình gas và phân bổ doanh thu ký cược lũy kế đã được ghi nhận theo hướng dẫn tại các Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty không thực hiện điều chỉnh lại.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Công ty áp dụng tỷ giá 20.620 đồng/USD - là tỷ giá bán ra bằng chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) để chuyển đổi các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán ra Đồng Việt Nam.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.693.691.408	2.572.225.494
Tiền gửi ngân hàng	21.365.077.366	99.115.295.242
Tiền đang chuyển	-	185.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	-	50.000.000.000
	<u>23.058.768.774</u>	<u>151.872.520.736</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	20.377.064.426	-
	<u>20.377.064.426</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(7.121.228.826)	-
	<u>13.255.835.600</u>	<u>-</u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex. Công ty đã gửi thông báo tới Ủy ban chứng khoán nhà nước để công bố thực hiện việc chào bán toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 23 tháng 9 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. KHOẢN PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	51.019.522.787	53.195.712.511
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	53.650.189.790	46.656.565.504
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	97.548.120.566	92.113.948.991
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	26.874.714.824	25.241.904.333
	<u>229.092.547.967</u>	<u>217.208.131.339</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu cổ tức	-	4.748.853.221
Gas hóa lỏng vay trả	1.263.873.496	18.616.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	503.338.408	370.594.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.983.128.066	2.465.327.016
	<u>5.750.339.970</u>	<u>7.603.390.237</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.296.750.000
Nguyên liệu, vật liệu	7.664.919.555	4.476.125.650
Hàng hóa	104.727.925.269	94.957.958.748
Cộng	<u>112.392.844.824</u>	<u>100.730.834.398</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>112.392.844.824</u>	<u>100.730.834.398</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	173.777.237.869	27.913.336.173	20.199.288.119	1.511.910.117	223.401.772.278
Mua sắm mới	16.679.000	6.355.482.270	39.343.636	192.879.891	6.604.384.797
Xây dựng cơ bản hoàn thành	13.376.478.073	5.362.042.248	-	-	18.738.520.321
Phân loại lại	14.175.000	311.051.233	(283.044.415)	(42.181.818)	-
Tại ngày 30/6/2011	187.184.569.942	39.941.911.924	19.955.587.340	1.662.608.190	248.744.677.396
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	31.664.130.173	17.079.646.046	10.902.235.475	911.060.380	60.557.072.074
Khấu hao trong kỳ	5.615.387.104	2.017.500.209	799.664.784	96.478.887	8.529.030.984
Phân loại lại	32.256.357	172.388.864	(204.645.221)	-	-
Tại ngày 30/6/2011	37.311.773.634	19.269.535.119	11.497.255.038	1.007.539.267	69.086.103.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	149.872.796.308	20.672.376.805	8.458.332.302	655.068.923	179.658.574.338
Tại ngày 31/12/2010	142.113.107.696	10.833.690.127	9.297.052.644	600.849.737	162.844.700.204

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 21.049.647.757 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 19.948.432.775 đồng).

Giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành trong kỳ là một phần của tòa nhà 322 Điện Biên Phủ. Phần còn lại của tòa nhà đã được cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê nên được ghi nhận ở khoản mục bất động sản đầu tư. Chi tiết tại Thuyết minh số 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phản mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	13.914.810.940	3.077.484.898	16.992.295.838
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(6.957.405.470)	-	(6.957.405.470)
Tại ngày 30/6/2011	6.957.405.470	3.077.484.898	10.034.890.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	1.755.246.089	1.223.246.238	2.978.492.327
Trích khấu hao trong kỳ	126.541.938	379.687.998	506.229.936
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(940.894.013)	-	(940.894.013)
Tại ngày 30/6/2011	940.894.014	1.602.934.236	2.543.828.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	6.016.511.456	1.474.550.662	7.491.062.118
Tại ngày 31/12/2010	12.159.564.851	1.854.238.660	14.013.803.511

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã hoàn thành cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ và đang cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê một phần của tòa nhà này. Giá trị quyền sử dụng đất tương ứng được phân loại lại sang Bất động sản đầu tư. (Xem thuyết minh số 13)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	-	22.511.075.896
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	35.225.831.463	19.833.433.000
Công trình kho gas Trà Nóc mở rộng	9.237.387.877	1.924.776.000
Các công trình khác	3.086.774.283	2.933.914.482
	47.549.993.623	47.203.199.378

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Xây lắp VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	11.621.000.927	4.658.348.603	16.279.349.530
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	6.957.405.470	-	-	6.957.405.470
Tại ngày 30/6/2011	6.957.405.470	11.621.000.927	4.658.348.603	23.236.755.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-	-
Trích khấu hao trong kỳ	-	237.218.320	95.090.401	332.308.721
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	940.894.013	-	-	940.894.013
Tại ngày 30/6/2011	940.894.013	237.218.320	95.090.401	1.273.202.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	6.016.511.457	11.383.782.607	4.563.258.202	21.963.552.266
Tại ngày 31/12/2010	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, máy móc thiết bị đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Vốn đầu tư tại các công ty con	
				30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng	20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	11.487.708.826	11.487.708.826
				121.987.708.826	121.987.708.826

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG vẫn được trình bày như một khoản đầu tư vào công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	-	20.377.064.426
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	25.377.064.426
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	(497.159.682)	(413.274.289)
	4.502.840.318	24.963.790.137

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG vẫn được trình bày như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã lập dự phòng cho khoản đầu tư này căn cứ vào giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	685.725.137	933.096.819
	6.415.725.137	6.663.096.819
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.367.210.000)	(3.730.000.000)
	3.048.515.137	2.933.096.819

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	22.200.349.045	64.188.671.934	609.760.969	86.998.781.948
Tăng trong kỳ	-	4.681.177.500	1.013.305.400	5.694.482.900
Phân bổ vào chi phí	(306.234.966)	(3.799.568.659)	(1.028.030.586)	(5.133.834.211)
Tại ngày 30/6/2011	21.894.114.079	65.070.280.775	595.035.783	87.559.430.637

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	51.796.849.856	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	69.821.557.319	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (iii)	-	184.809.106.560
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	3.631.011.679	-
	125.249.418.854	184.809.106.560

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2010/0003462 ngày 08 tháng 11 năm 2010 với mức dư nợ và mở thư tín dụng tối đa là 200 tỷ đồng gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Lãi suất hiện đang áp dụng với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 6%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-NH/PGC ngày 06 tháng 6 năm 2011. Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tối đa là 95 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Mức lãi suất cho vay đang được áp dụng là 20,5%/năm với đồng Việt Nam và 6%/năm với đồng đô la Mỹ.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 100235/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 23 tháng 8 năm 2010 với hạn mức 450 tỷ VND, trong đó: hạn mức cho vay là 230 tỷ VND, hạn mức tài trợ thương mại là 450 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng của mỗi lần rút vốn sẽ đảo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn với trường hợp cho vay và không quá 60 ngày đối với trường hợp chiết khấu chứng từ hàng xuất khẩu, giải ngân bằng VND và USD. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Trong kỳ, Công ty đã trả hết khoản vay này.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70111.057.747309.TD ngày 13 tháng 5 năm 2011 với hạn mức tín dụng tối đa là 728.091,74 USD. Lãi suất cố định của khoản vay là 6,3%/năm.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.591.031.123	8.968.826.569
Thuế xuất, nhập khẩu	234.666.853	3.210.583.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	336.975.498
Thuế thu nhập cá nhân	10.517.095	387.282.302
	1.836.215.071	12.903.668.004

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả cổ tức	24.410.869.300	26.560.757.800
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.043.458.123	5.261.549.133
Gas hóa lỏng vay trả	3.912.082.870	4.845.000.000
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	1.397.157.738	1.465.950.026
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	2.800.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	6.986.724.254	8.621.604.859
	40.550.292.285	46.754.861.818

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về cho Công ty quản lý và được Công ty trình bày như một khoản phải trả khác.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2011	Năm 2010
	đến 30/6/2011	VND
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	23.205.600.405	49.398.221.368
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	4.648.236.996	12.136.077.848
Bàn giao cho các công ty con	-	(34.649.047.851)
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(1.597.861.323)	(3.679.650.960)
Số dư cuối kỳ/năm	26.255.976.078	23.205.600.405

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	92.918.876.291	8.257.000.000	43.353.386.564	538.642.062.855
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.606.890.300	45.606.890.300
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.583.760.679	2.000.000.000	(16.156.912.823)	(7.573.152.144)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	99.502.636.970	10.257.000.000	45.606.894.041	549.479.331.011
Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	6.905.018.170	6.905.018.170
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	6.136.982.300	2.000.000.000	(15.136.982.300)	(7.000.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	11.213.740	-	(3.741)	11.209.999
Tại ngày 30/6/2011	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	105.650.833.010	12.257.000.000	6.905.018.170	545.410.911.180

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	30/6/2011	31/12/2010
		VND	VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	180.373.765.800	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	164.093.224.200	126.236.810.000
	100,00%	344.466.990.000	264.998.230.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****c. Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, Đại hội đã nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ, trong đó 26.496.470.000 đồng là cổ tức đợt 2 của năm 2009 (ghi nhận trên khoản mục phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) và 52.999.650.000 đồng từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần. Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ giao dịch này được hạch toán hoàn nhập Thặng dư vốn cổ phần theo Quyết định số 057/PGC-QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty. Vốn điều lệ thực tế tăng lên là 79.468.760.000 đồng. Ngày 04 tháng 5 năm 2011, số cổ phiếu đăng ký bổ sung nói trên được chấp thuận niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 38/2006/GCNCP-VSD-3 đăng ký thay đổi lần 3 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 là 10% theo vốn góp. Cổ tức dự định được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả hiện đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả khác.

e. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 34.446.699 cổ phần (năm 2010: 26.499.823 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.275.411.668.148	1.115.170.259.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.114.497.202	3.544.899.605
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	1.597.861.323	2.182.412.752
	1.280.124.026.673	1.120.897.571.564
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	871.302.234.698	613.291.217.316
Doanh thu với đối tượng khác	408.821.791.975	507.606.354.248
	1.280.124.026.673	1.120.897.571.564

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã ghi nhận phần lãi công nợ phải thu vượt định mức đối với các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn vào khoản mục “Doanh thu nội bộ” với số tiền là 2.607.733.046 đồng thay vì ghi nhận vào khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính”. Năm 2011, các khoản lãi nói trên đã được ghi nhận vào phần lãi tiền gửi, cho vay của “Doanh thu hoạt động tài chính”.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.186.082.431.405	1.032.367.552.570
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	401.752.322	2.550.137.738
	1.186.484.183.727	1.034.917.690.308
Trong đó		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	871.302.234.698	613.291.217.316
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	315.181.949.029	421.626.472.992
	1.186.484.183.727	1.034.917.690.308

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.264.744.114	452.136.112
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.511.152.566	18.565.610.751
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.903.318.757	293.413.595
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	461.194.290
	29.679.215.437	19.772.354.748

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.859.980.895	5.353.466.180
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.022.792.978	4.900.201.261
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	6.842.324.219	(1.419.625.900)
Chi phí tài chính khác	5.988.307.859	275.418.280
	46.713.405.951	9.109.459.821

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Bán tài sản cho các công ty con	-	1.331.095.901
Thu nhập khác	5.072.145.660	2.299.462.599
	5.072.145.660	3.630.558.500

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Bán tài sản cho các công ty con	-	1.331.095.901
Khác	1.409.971.149	1.723.699.473
	1.409.971.149	3.054.795.374

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.905.018.170
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(22.502.953.935)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	22.511.152.566
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.198.631
Thu nhập chịu thuế	(15.597.935.765)
<i>Thu nhập hoạt động được ưu đãi</i>	-
<i>Thu nhập hoạt động không được ưu đãi</i>	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	
<i>Thuế suất ưu đãi</i>	25,0%
<i>Thuế suất thông thường</i>	25,0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại (**)	-

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng